TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15/4/2024
"v/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông Nguyễn Văn Chất

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thơm và ông Nguyễn Văn Hoàn

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương***: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 40/2024/TLST-HNGĐ ngày 18/01/2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Thu H, sinh năm 1991; địa chỉ: Số A C, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức N, sinh năm 1992; Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Số A C, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Nhật Bản. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Vũ Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đức N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương vào ngày 17/4/2017. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng nhau tại nhà bố mẹ chị ở phường B, thành phố H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 5 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N chơi bời, nợ nần, không có khả năng chi trả

nên vợ chồng chị thường xuyên xảy ra cãi nhau. Do mâu thuẫn nên anh N đã chuyển ra ngoài ở, vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 11/2017. Khoảng năm 2018, chị được biết anh N đã đi lao động tại Nhật Bản. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn An N1, sinh ngày 04/11/2017. Hiện nay con chung đang ở với chị. Sau khi ly hôn, chị xin được nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, nợ chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị H không cung cấp được địa chỉ của anh Nguyễn Đức N ở Nhật Bản nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh N. Bà Nguyễn Thị G (là bác ruột của anh N) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh N ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh N vẫn thỉnh thoảng liên lạc với bà qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh N biết. Quan điểm của anh N là do vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nên chị H làm đơn xin ly, anh đồng ý. Về con chung, anh N đồng ý để chị H tiếp tục nuôi con chung là Nguyễn An N1, sinh năm 2017. Anh N tự có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị H. Về tài sản chung, nợ chung: Anh N xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Thu H ly hôn anh Nguyễn Đức N. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn An N1, sinh năm 2017 cho chị H nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí: Chị Vũ Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn anh Nguyễn Đức N hiện đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản, nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh N ở nước ngoài. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu nhưng gia đình anh N đều trình bày không biết địa chỉ cụ thể của anh N ở Nhật Bản. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị G là bác ruột của anh N để bà G thông tin lại cho anh N biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh N đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, chị H vắng mặt, có quan điểm xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh N đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy, căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Thu H và anh Nguyễn Đức N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương vào ngày 17/4/2017 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị H và anh N đều xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H trình bày là do anh N chơi bời, nợ nần không có khả năng chi trả nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Năm 2018, anh N và chị H sống ly thân, mỗi người một nơi, không còn liên lạc, không quan tâm đến nhau. Nay chị H và anh N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn, anh N đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh N đã trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị H được ly hôn anh N là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Vũ Thị Thu H và anh Nguyễn Đức N có 01 con chung là Nguyễn An N1, sinh ngày 04/11/2017. Hiện nay cháu N1 đang ở cùng chị H. Sau khi ly hôn, chị H và anh N đều có quan điểm giao cháu N1 cho

chị H nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu N1 đã sinh sống ổn định cùng chị H từ nhỏ đến nay. Anh N đang ở nước ngoài, không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc con chung. Do vậy, cần tiếp tục giao cháu N1 cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Vũ Thị Thu H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Thu H về các vấn đề sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Thu H ly hôn anh Nguyễn Đức N.

1.2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Vũ Thị Thu H được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn An N1, sinh ngày 04/11/2017 kể từ tháng 04/2024 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Vũ Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0000423 ngày 17 tháng 01 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị Thu H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Anh Nguyễn Đức N vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chất